

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 9 - 2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Khắc Chung.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Thiện T, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ 02, khóm VL, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: Khóm VL, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh AG; chỗ ở hiện nay: Tổ 25, ấp BQ, xã BP, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/7/2022 và Biên bản hòa giải ngày 08/8/2022, ông Trần Thiện T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T và bà Ng tự tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là thị trấn) VTT, huyện CP, tỉnh AG vào ngày 26/9/2017. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp, tính tình không hợp nhau, nên vợ chồng đã sống ly thân cách

nay hơn 09 năm. Nay tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Ng.

- Về con chung: Không có. Do cháu Bùi Thị Như Ý, sinh ngày 09/01/2009, trong giấy khai sinh ghi tên mẹ là Nguyễn Thị Thu (em ruột bà Ng) và cha là Bùi Văn Trước (chồng của Nguyễn Thị Thu), nên về mặt giấy tờ pháp lý thì cháu Như Ý không phải là con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ngày 08/8/2022 và Biên bản hòa giải ngày 08/8/2022, bà Nguyễn Thị Tuyết Ng trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Ng và ông T tự tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là thị trấn) VTT, huyện CP, tỉnh AG vào ngày 26/9/2017. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống, đời sống chung vợ chồng không hòa hợp, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân nhau cách nay hơn 10 năm, nên bà Ng đồng ý ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà Ng và ông T có 01 con chung tên Bùi Thị Như Ý, sinh ngày 09/01/2009. Tuy nhiên, trong giấy khai sinh cháu Bùi Thị Như Ý ghi tên mẹ là Nguyễn Thị Thu (em ruột bà Ng) và cha là Bùi Văn Trước (em rể bà Ng, là chồng của Nguyễn Thị Thu). Nếu cháu Như Ý có nguyện vọng chung sống với bà Ng thì bà Ng đồng ý trực tiếp nuôi con; nếu cháu Như Ý có nguyện vọng chung sống với ông T thì bà Ng đồng ý để cho ông T trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng cho con: Nếu Tòa xử cho ông T nuôi cháu Như Ý thì tùy vào cháu Như Ý có yêu cầu ông T cấp dưỡng hay không, còn bà Ng thì không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung, nhưng bà Ng sẽ làm đơn yêu cầu chia tài sản chung nộp cho Tòa án theo đúng quy định pháp luật.

- Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc yêu cầu bà Ng giao nộp tài liệu, chứng cứ về con chung nhưng bà Ng không giao nộp tài liệu, chứng cứ trong thời hạn do Thẩm phán ấn định. Bà Ng đã được Thẩm phán giải thích đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, trong đó có quyền yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, quyền yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ; tuy nhiên, bà Ng không nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Ông T khai giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Ng. Về con chung, cháu Bùi Thị Như Ý trong giấy khai sinh ghi tên cha mẹ là người khác

nên về mặt pháp lý không phải là con chung của ông T và bà Ng, xem như không có con chung nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; trường hợp có yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ thì ông T sẽ nộp đơn yêu cầu để giải quyết trong vụ việc khác. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng sẽ tự thương lượng. Về nợ chung không có.

Bà Ng khai bắt đầu chung sống với ông T khi bà Ng được 17 tuổi, không nhớ năm nào. Nay bà Ng đồng ý ly hôn với ông T. Ngoài ra, bà Ng còn khai: Trước đây bà Ng có 02 con riêng tên Loan và tên Diệu, hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động được. Bà Ng có 01 con chung với ông T là cháu Bùi Thị Như Ý, nhưng giấy khai sinh cháu Như Ý ghi tên cha mẹ là Nguyễn Thị Thu và Bùi Văn Trước; cháu Như Ý đang sống chung với ông T và đã đi làm. Hiện bà Ng không nộp đơn yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ; trường hợp có yêu cầu thì bà Ng sẽ nộp đơn yêu cầu để giải quyết trong vụ việc khác. Về tài sản chung, có 01 căn nhà và đất nhưng bà Ng không nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng thống nhất để lại tài sản cho con, không ai được mua bán hay tranh chấp. Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông T và bà Ng đều thừa nhận giấy khai sinh của cháu Bùi Thị Như Ý ghi tên cha mẹ là người khác. Giấy khai sinh ghi tên cháu Như Ý họ Bùi; ghi tên mẹ là Nguyễn Thị Thu và cha là Bùi Văn Trước. Ông T và bà Ng đều không nộp đơn yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ nên Tòa án không tiến hành xác minh về con chung và nguyên nhân phát sinh tranh chấp.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Ông T và bà Ng tự nguyện tiến tới hôn nhân, nhưng không xác định rõ thời điểm bắt đầu chung sống. Tuy nhiên, ông T và bà Ng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là thị trấn) VTT, huyện CP, tỉnh AG theo giấy chứng nhận kết hôn số 190 ngày 26/9/2017, nên hôn nhân giữa ông T và bà Ng được pháp luật công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn; làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, ông T và bà Ng có phát sinh mâu thuẫn do đời sống chung không hòa hợp, tính tình không hợp nhau, nên vợ chồng đã sống ly thân cách nay hơn 09 năm.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T và bà Ng đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, việc hòa giải đoàn tụ không thành; cho đến nay vợ

chồng vẫn sống ly thân và không thể tự hàn gắn tình cảm. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa ông T và bà Ng đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Qua tranh tụng tại phiên tòa, bà Ng cũng đồng ý ly hôn với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T ly hôn với bà Ng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông T khai vợ chồng không có con chung; bà Ng khai vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Thị Như Ý, sinh ngày 09/01/2009. Cả ông T và bà Ng đều thừa nhận giấy khai sinh của cháu Bùi Thị Như Ý ghi tên mẹ là Nguyễn Thị Thu (em ruột bà Ng) và cha là Bùi Văn Trước (chồng của Nguyễn Thị Thu). Qua xem xét nội dung giấy khai sinh thể hiện: Cháu Bùi Thị Như Ý sinh ngày 08/01/2009, ghi tên mẹ là Nguyễn Thị Thu và tên cha là Bùi Văn Trước. Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà Ng đã được Thẩm phán giải thích về quyền nộp đơn yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ. Tuy nhiên, ông T và bà Ng đều không nộp đơn yêu cầu giải quyết vấn đề này. Tại phiên tòa, ông T và bà Ng thống nhất sẽ nộp đơn yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ để giải quyết trong vụ việc khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung. Trường hợp ông T và bà Ng yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ thì sẽ được giải quyết trong vụ việc khác.

[4] Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Bà Ng đã được giải thích về quyền yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nhưng đến nay bà Ng không nộp đơn yêu cầu. Tại phiên tòa, bà Ng thống nhất vợ chồng để lại tài sản cho con và không yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông T và bà Ng có tranh chấp về tài sản chung sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp. Bà Ng không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trần Thiện T ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết Ng.

2. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông T và bà Ng yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ thì ông T và bà Ng có quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc khác.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông T và bà Ng có tranh chấp về tài sản chung sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thiện T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0005364 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Thiện T và bà Nguyễn Thị Tuyết Ng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- UBND TT. VTT
(khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh

